TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN VĂN THỜI** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2024/DS-ST
Ngày 22-4-2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Thành Quang**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Huỳnh Văn Năm**

2. Ông **Nguyễn Việt Thắng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Trúc Linh** – Thư ký viên, Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

*- Đại diện **Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời**, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Bà **Võ Hồng Luyến** - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 182/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 3 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2024/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

Ông **Nguyễn Nhất L**, sinh năm 1993 (Có mặt), địa chỉ cư trú: Số C, Khu phố C, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn:

Ông **Nguyễn Chí T**, sinh năm 1989 (Có mặt), địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bà **Võ Ngọc Q**, sinh năm 1994 (Có mặt), nơi thường trú: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre, địa chỉ cư trú: Ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Nhất L** trình bày:

Ông T và bà Q có hỏi mượn của nguyên đơn số tiền 48.000.000 đồng, đôi bên có lập Biên nhận mượn tiền ngày 11/9/2023, nhưng đến nay ông T và bà Q chưa

trả. Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ông T và bà Q trả cho nguyên đơn số tiền 48.000.000 đồng.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Chí T** và bà **Võ Ngọc Q** trình bày:

Ông T và bà Q có mượn của ông L số tiền 48.000.000 đồng, bị đơn có ký tên tại Biên nhận mượn tiền ngày 11/9/2023. Tuy nhiên, bị đơn đã chuyển khoản trả cho ông L hết 40.000.000 đồng, còn thiếu lại ông L số tiền 8.000.000 đồng, bị đơn đồng ý trả.

Tại phiên toà:

- Ông **L** xác định:

Ông T và bà Q có chuyển khoản cho nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng là đúng. Tuy nhiên, khoản tiền này là khoản tiền ông L cho bà Q mượn trước đó để bà Q thi bằng lái xe.

Sau đó, ông T và bà Q mượn tiếp của ông 48.000.000 đồng, nên ông T và bà Q có ký nhận tại Biên nhận mượn tiền ngày 11/9/2023.

- Ông **T** và bà **Q** xác định:

Bị đơn có mượn ông L số tiền 40.000.000 đồng để thi bằng lái xe là không có.

Còn số tiền 48.000.000 đồng, nhưng trước đó bị đơn đã chuyển khoản trả cho ông L 40.000.000 đồng, đến ngày 11/9/2023 ông L có đến nhà của bị đơn ở ấp Đ, xã K, huyện T gặp và ép bị đơn phải ký Biên nhận mượn tiền ngày 11/9/2023, thể hiện số tiền mượn 48.000.000 đồng.

Thực tế bị đơn trả cho ông L hết 40.000.000 đồng, chỉ còn thiếu ông L 8.000.000 đồng.

***/ Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát như sau:**

1/ Về tố tụng:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử:

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án:

Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

2/ Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc ông T và bà Q trả cho ông L số tiền 48.000.000 đồng.

Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về tố tụng**:

Về quan hệ pháp luật:

Được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", đồng thời bị đơn là ông T và bà Q đều xác định hiện đang cư trú tại ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Từ đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] **Về nội dung tranh chấp**:

Tại phiên toà, ông L khởi kiện yêu cầu ông T và bà Q trả cho ông L tiền mượn với số tiền 48.000.000 đồng.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông L có cung cấp cho Tòa án chứng cứ là Biên nhận mượn tiền ngày 11/9/2023 (bút lục 04), thể hiện Bên mượn có chữ ký chữ viết tên Nguyễn Chí T - Võ Ngọc Q.

Ngoài ra, ông L không còn cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác.

Đối với ông T và bà Q thừa nhận chữ ký chữ viết của ông T và bà Q tại Biên nhận mượn tiền ngày 11/9/2023 do ông L cung cấp cho Toà án.

Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các tình tiết và chứng cứ nêu trên là tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh trong vụ án.

Tại phiên toà:

Ông T và bà Q cho rằng, số tiền 48.000.000 đồng mà ông L khởi kiện đòi, là trước đó bị đơn đã chuyển trả cho ông L 40.000.000 đồng vào ngày 23/4/2023, còn thiếu ông L 8.000.000 đồng.

Tuy nhiên đến ngày 11/9/2023, ông L xuống nhà của bị đơn ở ấp Đ, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau gặp và ép bị đơn phải ký vào biên nhận số tiền là 48.000.000 đồng.

Như vậy, số tiền 48.000.000 đồng bao gồm luôn số tiền 40.000.000 đồng mà bị đơn đã chuyển trả cho ông L trước đó, chỉ còn thiếu lại 8.000.000 đồng.

Tuy nhiên, ông L xác định có nhận số tiền 40.000.000 đồng của bị đơn chuyển vào ngày 23/4/2023, nhưng đây là khoản tiền riêng, bà Q mượn để thi bằng

lái xe. Còn khoản tiền 48.000.000 đồng, là khoản tiền riêng và sau này ông T và bà Q thừa nhận nợ và ông T và bà Q có ký tại Biên nhận mượn tiền ngày 11/9/2023.

Xét:

Việc ông T và bà Q cho rằng ông L ép hoặc đe doạ để ông T và bà Q ký vào Biên nhận mượn tiền ngày 11/9/2023, nhưng ông T và bà Q không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh.

Trường hợp, nếu như có sự ép buộc hoặc đe doạ như ông T và bà Q trình bày, thì ông T và bà Q có quyền trình báo đến Chính quyền địa phương đến để can thiệp.

Trong khi đó, ông T và bà Q đã ký tên và tại Biên nhận ngày 11/9/2023, phần nội dung thể hiện: "… Tôi có mượn: Nguyễn Nhất L … Số tiền 48.000.000 – (Bằng chữ: Mốn mươi tám triệu Đồng…). Tôi hứa vào ngày: Quý 3 tháng (Quý 10 triệu)… tôi sẽ trả tất cả số tiền tôi đã mượn của: Nguyễn Nhất L …", thì cũng không có nội dung nào thể hiện có việc ép buộc hoặc đe doạ như ông T và bà Q trình bày.

Ngoài ra, số tiền 40.000.000 đồng ông T và bà Q chuyển là ngày 23/4/2023, còn khoản tiền 48.000.000 đồng thì ông T và bà Q ký nhận nợ vào ngày 11/9/2023, tức là khoảng thời gian đã diễn ra sau này.

Như vậy có cơ sở để xác định, ông T và bà Q có vay mượn và thiếu ông L số tiền 48.000.000 đồng, như các bên đã ký tại Biên nhận ngày 11/9/2023.

Tuy nhiên, ông T và bà Q đã ly hôn, được Toà án nhân dân huyện Trần Văn Thời giải quyết tại Quyết định số 249 ngày 21/11/2022 và nay ông T và bà Q cùng xác định đã chung sống trở lại như vợ chồng và đến nay chưa có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, buộc ông T và bà Q phải có trách nhiệm liên đới nghĩa vụ ½ trả cho ông L số tiền 48.000.000 đồng, theo như đề nghị của Viện kiểm sát là có cơ sở.

[3] **Về án phí**:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, ông L được nhận lại tiền tạm ứng án phí.

Buộc ông T và bà Q, mỗi người phải nộp ½ án phí dân sự có giá ngạch số tiền 2.400.000 đồng (theo đó: Số tiền buộc bị đơn trả cho nguyên đơn là 48.000.000 đồng x 5% = 2.400.000 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Các điều 26, 35, 39, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 27; các điều 30, 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điều 26 của Luật thi hành án dân sự năm 2014.

Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Nguyễn Nhất L.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Chí T và bà Võ Ngọc Q phải có trách nhiệm liên đới trả cho ông Nguyễn Nhất L số tiền 48.000.000 đồng – Bốn mươi tám triệu đồng.

Trong đó:

- Ông Nguyễn Chí T có trách nhiệm trả cho ông L số tiền 24.000.000 đồng – Hai mươi bốn triệu đồng.

- Bà Võ Ngọc Q có trách nhiệm trả cho ông L số tiền 24.000.000 đồng – Hai mươi bốn triệu đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người bị thi hành án không thi hành xong khoản tiền trên, thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2/ Về án phí:

Ông Nguyễn Nhất L được nhận lại án phí số tiền 1.200.000 đồng - Một triệu hai trăm ngàn đồng, tại Biên lai thu 4652 ngày 07/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Buộc ông Nguyễn Chí T và bà Võ Ngọc Q phải nộp án phí dân sự số tiền 2.400.000 đồng – Hai triệu bốn trăm ngàn đồng.

Trong đó:

- Ông Nguyễn Chí T phải nộp án phí dân sự số tiền 1.200.000 đồng – Một triệu hai trăm ngàn đồng.

- Bà Võ Ngọc Q phải nộp án phí dân sự số tiền 1.200.000 đồng – Một triệu hai trăm ngàn đồng.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

"Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- Các đương sự (02b);
- VKSND H. Trần Văn Thời (01b);
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời (01b);
- Lưu hồ sơ vụ án (01b);
- Lưu án văn (01b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Quang